

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Trụ sở văn phòng : 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3999 00 91~97

Fax : +84 (28) 3999 00 90

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám Đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 44
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước (là Công ty Chất đốt Tp. Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 70/2000/QĐ-TTg ngày 20 tháng 06 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300631013 ngày 29 tháng 08 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300631013 lần thứ 20 ngày 09 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 112.914.590.000 đồng (một trăm mười hai tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 9 năm 2004 theo Giấy phép số 31/GPPH của Ủy Ban Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004 với mã chứng khoán là SFC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 39 979 393
- Fax : + 84 (28) 39 979 555
- E-mail : info@sfc.com.vn
- Mã số thuế : 0 3 0 0 6 3 1 0 1 3

• Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Cửa hàng xăng dầu số 20	387A Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
2. Cửa hàng xăng dầu số 10	784 Hậu Giang, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
3. Cửa hàng xăng dầu số 21	Lô VI, KCN Lê Minh Xuân, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
4. Cửa hàng xăng dầu số 24	64 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
5. Cửa hàng xăng dầu số 17	401 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
6. Cửa hàng xăng dầu số 5	234 Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
7. Cửa hàng xăng dầu số 13	118 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
8. Cửa hàng xăng dầu số 11	186 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
9. Cửa hàng xăng dầu số 19	247 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
10. Cửa hàng xăng dầu số 6	9 Bis Trần Nãi, phường Bình An, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
11. Cửa hàng xăng dầu số 12	912 Võ Văn Kiệt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
12. Cửa hàng xăng dầu số 8	135 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. Cửa hàng xăng dầu số 4	167 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
14. Cửa hàng xăng dầu số 16	260A Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
15. Cửa hàng xăng dầu số 3	16A Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
16. Cửa hàng xăng dầu số 18	A21 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
17. Cửa hàng xăng dầu số 9	52 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
18. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhớt 825	825 Hậu Giang, phường 11, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
19. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	118 Hậu Giang, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
20. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	1438 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
21. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Nhà hàng Mười Tám	18 Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
22. Kho xăng dầu 30/4	26 Chuyên Dừng 9, phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
23. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhớt 103	103 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng kinh doanh Gas	263 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
25. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhớt 406	406 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
26. Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 456	456 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
27. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhớt 263	263 Ngô Quyền, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
28. Cửa hàng kinh doanh dầu nhớt 138	138B Trần Phú, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
29. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhớt 89	M5 Lê Hoàng Phái, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
30. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhớt 67	67 Phú Thọ, phường 1, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh các loại vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng kinh doanh xăng dầu, bếp gas và các loại phụ tùng bếp gas, hàng kim khí điện máy, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất chế biến hàng nông, thủy, hải sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải);
- ...

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	30/03/2018	-
Ông Phan Ngọc Hùng	Ủy viên thường trực	30/03/2018	-
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	30/03/2018	-
Ông Phạm Trần Hiền	Thành viên	30/03/2018	-
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	30/03/2018	-
Ông Nguyễn Huy Dũng	Thành viên	-	30/03/2018
Ông Châu Văn Chon	Thành viên	-	30/03/2018

4.2 Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ**➤ Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Chung	Trưởng ban	-	30/03/2018
Ông Lê Tuấn Vũ	Thành viên	-	30/03/2018
Ông Phạm Trần Hiền	Thành viên	-	30/03/2018

➤ Ban Kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khoa	Trưởng ban	30/03/2018	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc	01/07/2015	-
Bà Bùi Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc	01/03/2016	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Ngọc Hùng – Tổng Giám đốc Công ty được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 07 năm 2015.

Bà Bùi Hoài Châu được ông Phan Ngọc Hùng ủy quyền ký Báo cáo của Ban Tổng giám đốc và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 49/2019/UQ-NLSG ngày 15 tháng 03 năm 2019.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 45.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



BUI HOÀI CHÂU
Phó Tổng Giám đốc



Số: 2106/19/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2019, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKH kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKH kiểm toán số 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

175-
TY
M HỮU
VÀ TU
VIỆ
HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		138.605.056.923	332.775.556.277
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	120.026.761.964	304.271.087.346
111	1. Tiền		16.026.761.964	14.271.087.346
112	2. Các khoản tương đương tiền		104.000.000.000	290.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.956.477.840	10.821.008.540
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	6.924.741.963	7.423.328.302
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	217.000.823	1.751.581.040
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	1.152.135.054	1.983.499.198
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(337.400.000)	(337.400.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	10.209.378.463	17.544.279.645
141	1. Hàng tồn kho		10.209.378.463	17.544.279.645
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		412.438.656	139.180.746
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	412.438.656	139.180.746
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		154.668.394.189	158.994.350.490
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.000.000	5.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	5.000.000	5.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		110.079.717.512	113.226.895.370
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	46.377.086.691	47.058.355.269
222	- Nguyên giá		80.865.306.263	76.576.486.045
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.488.219.572)	(29.518.130.776)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	63.702.630.821	66.168.540.101
228	- Nguyên giá		68.731.740.865	68.731.740.865
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.029.110.044)	(2.563.200.764)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	35.037.848.747	36.042.638.891
231	- Nguyên giá		41.556.799.362	41.556.799.362
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.518.950.615)	(5.514.160.471)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		966.327.463	922.691.099
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	966.327.463	922.691.099
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.12	6.546.000.000	6.546.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.296.000.000	10.296.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.033.500.467	2.251.125.130
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	1.238.452.272	1.942.599.016
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.13	795.048.195	308.526.114
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		293.273.451.112	491.769.906.767

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		82.875.486.876	275.399.315.357
310	I. Nợ ngắn hạn		70.693.868.121	265.234.680.303
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	22.154.249.308	24.601.153.380
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	80.286.597	80.570.230
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	32.871.062.344	26.640.007.008
314	4. Phải trả người lao động	V.17	7.530.309.722	8.113.928.751
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	297.464.408	318.489.037
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	95.816.081
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	5.748.860.219	5.299.777.947
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	-	197.121.045.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.011.635.523	2.963.892.869
330	II. Nợ dài hạn		12.181.618.755	10.164.635.054
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	5.475.424.100	5.456.224.100
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	V.22	6.706.194.655	4.708.410.954
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.23	210.397.964.236	216.370.591.410
410	I. Vốn chủ sở hữu		210.397.964.236	216.370.591.410
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		112.914.590.000	112.914.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		112.914.590.000	112.914.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.220.495.600	9.220.495.600
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.414.603.444)	(1.414.603.444)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		39.398.471.894	39.398.471.894
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		50.279.010.186	56.251.637.360
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		22.089.820.749	27.601.046.117
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		28.189.189.437	28.650.591.243
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		293.273.451.112	491.769.906.767

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



PHẠM THỊ THU NGÀ

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THU

Phó Tổng Giám đốc



BÙI HOÀI CHÂU

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.428.473.794.249	1.321.749.025.562
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		44.288.546	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.428.429.505.703	1.321.749.025.562
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.325.364.627.570	1.220.763.096.652
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.064.878.133	100.985.928.910
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	14.064.677.510	15.439.360.562
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	9.010.209.364	9.760.231.683
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.010.209.364	9.760.231.683
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	49.498.207.866	50.907.040.582
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	18.373.369.698	16.954.026.236
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.247.768.715	38.803.990.971
31	11. Thu nhập khác	VI.7	341.569.747	1.292.815.178
32	12. Chi phí khác	VI.8	633.664.437	101.779.247
40	13. Lợi nhuận khác		(292.094.690)	1.191.035.931
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.955.674.025	39.995.026.902
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	8.746.413.038	8.469.562.745
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.9	(486.522.081)	(308.526.114)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		31.695.783.068	31.833.990.271
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	2.509	2.509
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	2.509	2.509

Người lập biểu



PHẠM THỊ THU NGÀ

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Phó Tổng Giám đốc



BUI HOÀI CHÂU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		39.955.674.025	39.995.026.902
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.541.675.548	(721.213.805)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8,9,10	9.309.667.819	7.984.447.528
03	- Các khoản dự phòng	V.5	1.997.783.701	1.954.451.345
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.775.985.336)	(20.420.344.361)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	9.010.209.364	9.760.231.683
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.497.349.573	39.273.813.097
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	VII.5	548.032.367	2.053.226.741
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		5.573.481.735	3.146.052.815
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	VII.5	2.976.920.042	(803.307.925)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		430.888.834	1.044.149.247
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.206.701.438)	(9.820.166.262)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(7.777.043.814)	(9.324.305.984)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	VII.1	281.844.000	169.106.400
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	VII.2	(5.198.054.587)	(4.383.529.514)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		34.126.716.712	21.355.038.615
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.901.479.448)	(71.321.359.167)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.472.727.273	515.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.899.361.416	15.478.452.230
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.470.609.241	(55.327.179.664)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.3	1.084.060.885.000	1.240.254.604.589
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.4	(1.281.181.930.000)	(1.237.338.039.589)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.23	(33.720.606.335)	(20.237.328.710)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(230.841.651.335)	(17.320.763.710)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(184.244.325.382)	(51.292.904.759)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		304.271.087.346	355.563.992.105
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	120.026.761.964	304.271.087.346

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Phó Tổng Giám đốc

PHAM THI THU NGÀ

VÔ THI THU

BUI HOÀI CHÂU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải).
- Cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Cửa hàng xăng dầu số 20	387A Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
2. Cửa hàng xăng dầu số 10	784 Hậu Giang, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
3. Cửa hàng xăng dầu số 21	Lô VI, KCN Lê Minh Xuân, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
4. Cửa hàng xăng dầu số 24	64 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
5. Cửa hàng xăng dầu số 17	401 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
6. Cửa hàng xăng dầu số 5	234 Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
7. Cửa hàng xăng dầu số 13	118 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
8. Cửa hàng xăng dầu số 11	186 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
9. Cửa hàng xăng dầu số 19	247 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
10. Cửa hàng xăng dầu số 6	9 Bis Trần Nãi, phường Bình An, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
11. Cửa hàng xăng dầu số 12	912 Võ Văn Kiệt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
12. Cửa hàng xăng dầu số 8	135 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên đơn vị	Địa chỉ
13. Cửa hàng xăng dầu số 4	167 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
14. Cửa hàng xăng dầu số 16	260A Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
15. Cửa hàng xăng dầu số 3	16A Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
16. Cửa hàng xăng dầu số 18	A21 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
17. Cửa hàng xăng dầu số 9	52 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
18. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 825	825 Hậu Giang, phường 11, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
19. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	118 Hậu Giang, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
20. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	1438 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
21. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Nhà hàng Mười Tám	18 Nguyễn Huy Tụ, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
22. Kho xăng dầu 30/4	26 Chuyên Dừng 9, phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
23. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 103	103 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng kinh doanh Gas	263 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
25. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 406	406 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
26. Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 456	456 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
27. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 263	263 Ngô Quyền, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
28. Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 138	138B Trần Phú, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
29. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 89	M5 Lê Hoàng Phái, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
30. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 67	67 Phú Thọ, phường 1, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 231 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 247 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho (xăng, dầu, nhớt, bất động sản đầu tư)

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với mặt hàng xăng, dầu, nhớt và thực tế đích danh đối với bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Các khoản chi phí sửa chữa tại các cửa hàng xăng dầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí giải tỏa mặt bằng

Các khoản chi phí giải tỏa mặt bằng để kinh doanh của cửa hàng xăng dầu số 17 tại địa chỉ số 403 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 120 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	48 – 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 30

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian

giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả và dự phòng phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả; dự phòng phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Dự phòng phải trả dài hạn là quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường doanh nghiệp thực trích không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá (Xăng dầu, nhớt)

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê mặt bằng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.446.825.220	5.836.044.080
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.579.936.744	3.900.142.766
Tiền đang chuyển	-	4.534.900.500
Các khoản tương đương tiền (*)	104.000.000.000	290.000.000.000
Cộng	120.026.761.964	304.271.087.346

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	45.383.540	-	226.047.000	-
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	41.430.740	-	18.200.320	-
Công ty CP Dầu Nhòn S.T.S	3.952.800	-	207.846.680	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.879.358.423	337.400.000	7.197.281.302	337.400.000
Phải thu khách hàng (xăng dầu, nhớt)	6.685.252.189	337.400.000	7.197.281.302	337.400.000
Phải thu khách hàng (dịch vụ, cho thuê mặt bằng)	194.106.234	-	-	-
Cộng	6.924.741.963	337.400.000	7.423.328.302	337.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	217.000.823	1.751.581.040
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Vạn Phước	160.718.250	153.065.000
Công ty CP Máy và thiết bị Công nghiệp Quốc Tế	-	1.520.937.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Vượng	39.122.573	-
Công ty Cơ khí Xăng dầu	17.160.000	77.579.040
Cộng	217.000.823	1.751.581.040

4. Phải thu ngắn/ dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	656.667.589	-	656.667.589	-
Công ty CP Xăng dầu Dịch vụ hàng hải S.T.S - Bồi thường chất lượng xăng	656.667.589	-	656.667.589	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	495.467.465	-	1.326.831.609	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	344.841.095	-	1.179.525.001	-
Tạm ứng	25.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	5.000.000	-
Các đối tượng khác	125.626.370	-	142.306.608	-
Cộng	1.152.135.054	-	1.983.499.198	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là phải thu tiền khoản ký quỹ, ký cược của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan			-			-
Các tổ chức và cá nhân khác		337.400.000	-		337.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhật Nam Á - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	331.400.000	-	Trên 3 năm	331.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tây Phương - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	6.000.000	-	Trên 3 năm	6.000.000	-
Cộng		<u>337.400.000</u>	<u>-</u>		<u>337.400.000</u>	<u>-</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(337.400.000)	(382.700.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	45.300.000
Cộng	<u>(337.400.000)</u>	<u>(337.400.000)</u>

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	145.055.365	-	74.150.502	-
Công cụ, dụng cụ	26.995.449	-	31.417.449	-
Hàng hóa ^(*)	10.037.327.649	-	15.677.292.247	-
Hàng hóa bất động sản ^(**)	-	-	1.761.419.447	-
Cộng	<u>10.209.378.463</u>	<u>-</u>	<u>17.544.279.645</u>	<u>-</u>

^(*) Hàng hóa

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Xăng (các loại)	6.829.179.992	-	9.956.129.348	-
Dầu DO	1.891.584.223	-	4.221.064.419	-
Nhớt (các loại)	1.316.563.434	-	1.500.098.480	-
Cộng	<u>10.037.327.649</u>	<u>-</u>	<u>15.677.292.247</u>	<u>-</u>

^(**) Là quyền sử dụng đất tại cửa hàng xăng dầu số 23 (thửa 2363), số 30, quốc lộ 30, Ấp Bình Hòa, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Đơn vị đã ký hợp đồng và chuyển nhượng trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	206.964.209	23.697.575
Chi phí công cụ, dụng cụ	205.474.447	115.483.171
Cộng	412.438.656	139.180.746

(*) Chủ yếu là chi phí bảo hiểm xe bồn và một số chi phí khác.

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	139.180.746	22.640.040
Tăng trong năm	1.665.448.693	951.331.001
Phân bổ trong năm	(1.392.190.783)	(834.790.295)
Số cuối năm	412.438.656	139.180.746

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Giải tỏa mặt bằng 403 Trường Trinh	750.000.028	-	(249.999.996)	500.000.032
Chi phí sửa chữa nhỏ các Cửa hàng ⁽¹⁾	254.914.333	45.991.668	(258.452.161)	42.453.840
Chi phí CCDC, đồ dùng ⁽²⁾	523.027.871	745.095.454	(584.223.083)	683.900.242
Chi phí quảng bá, nhận diện thương hiệu ⁽³⁾	414.656.784	3.744.000	(413.392.066)	5.008.718
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	10.115.000	(3.025.560)	7.089.440
Cộng	1.942.599.016	804.946.122	(1.509.092.866)	1.238.452.272

(1) Chủ yếu là sửa chữa, cải tạo các Cửa hàng.

(2) Chủ yếu là trang bị đèn led, đèn cao áp, máy in nhiệt tại trụ xăng, đồ bảo hộ PCCC tại các Cửa hàng, lớp xe bồn

(3) Chủ yếu là logo, Alu, bảng hiệu, mặt dựng trang trí Cửa hàng xăng dầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	39.815.825.221	21.490.605.208	10.290.075.392	4.979.980.224	76.576.486.045
Mua trong năm	-	259.800.000	4.717.398.910	103.400.000	5.080.598.910
Tăng do nâng cấp	4.317.091	37.000.000	-	35.783.816	77.100.907
Giảm do thanh lý tài sản	(51.108.750)	-	(817.770.849)	-	(868.879.599)
Số cuối năm	39.769.033.562	21.787.405.208	14.189.703.453	5.119.164.040	80.865.306.263
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>5.398.739.585</i>	<i>4.166.574.871</i>	<i>-</i>	<i>367.282.209</i>	<i>9.932.596.665</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	13.073.465.071	11.480.199.901	3.118.766.279	1.845.699.525	29.518.130.776
Khấu hao trong năm	2.024.700.216	1.865.702.725	1.397.554.110	551.011.344	5.838.968.395
Thanh lý tài sản cố định	(51.108.750)	-	(817.770.849)	-	(868.879.599)
Số cuối năm	15.047.056.537	13.345.902.626	3.698.549.540	2.396.710.869	34.488.219.572
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.742.360.150	10.010.405.307	7.171.309.113	3.134.280.699	47.058.355.269
Số cuối năm	24.721.977.025	8.441.502.582	10.491.153.913	2.722.453.171	46.377.086.691

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	67.316.740.865	1.415.000.000	68.731.740.865
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	67.316.740.865	1.415.000.000	68.731.740.865
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	2.204.256.074	358.944.690	2.563.200.764
Khấu hao trong năm	2.323.557.828	142.351.452	2.465.909.280
Số cuối năm	4.527.813.902	501.296.142	5.029.110.044
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	65.112.484.791	1.056.055.310	66.168.540.101
Số cuối năm	62.788.926.963	913.703.858	63.702.630.821

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.313.043.291	24.243.756.071	41.556.799.362
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	17.313.043.291	24.243.756.071	41.556.799.362
<i>Trong đó nguyên giá BĐS đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê</i>	-	104.400.000	104.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	2.332.315.837	3.181.844.634	5.514.160.471
Khấu hao trong năm	351.262.152	653.527.992	1.004.790.144
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	2.683.577.989	3.835.372.626	6.518.950.615
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.980.727.454	21.061.911.437	36.042.638.891
Số cuối năm	14.629.465.302	20.408.383.445	35.037.848.747

Theo qui định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Công trình Siêu thị Coop Mart Bình Triệu	23.962.872.071	3.560.278.980	20.402.593.091
525 Trần Hưng Đạo, quận 1, Tp. HCM	9.332.018.107	1.565.439.485	7.766.578.622
31 Nguyễn An Khương, quận 5, Tp. HCM	8.261.909.184	1.393.232.150	6.868.677.034
Cộng	41.556.799.362	6.518.950.615	35.037.848.747

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch (*)	915.900.909	-	-	-	915.900.909
Kho 784 - 786 Hậu Giang	-	57.796.800	-	(57.796.800)	-
CHXD số 17	-	3.660.860	-	(3.660.860)	-
Cống thoát nước D168 bằng nhựa UPVC	-	49.090.909	-	(8.181.818)	40.909.091
Cửa hàng 89 Lê Hoàng Phái	-	4.317.091	(4.317.091)	-	-
CHXD số 03	6.790.190	2.727.273	-	-	9.517.463
Cộng	922.691.099	117.592.933	(4.317.091)	(69.639.478)	966.327.463

(*) Đây là chi phí khảo sát, tư vấn thiết kế tại địa chỉ 1A Phạm Ngọc Thạch, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.296.000.000	6.546.000.000 (3.750.000.000)		10.296.000.000	6.546.000.000 (3.750.000.000)	
Công ty Cổ phần Cà phê Petec (i)	296.000.000	296.000.000		296.000.000	296.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (ii)	10.000.000.000	6.250.000.000 (3.750.000.000)		10.000.000.000	6.250.000.000 (3.750.000.000)	
Cộng	10.296.000.000	6.546.000.000 (3.750.000.000)		10.296.000.000	6.546.000.000 (3.750.000.000)	

(i) Khoản đầu tư dài hạn vào 29.200 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/Cổ phiếu, giá trị giao dịch tại ngày 31/12/2018 tại sàn giao dịch UpCOM là 10.000 VND/Cổ phiếu. Công ty CP Cà phê Petec hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng cà phê.

(ii) Khoản đầu tư dài hạn vào 625.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định với giá trị: 10.000.000.000 đồng. Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là chi phí thuế TNDN hoãn lại chủ yếu cho chi phí khấu hao Quyền sử dụng đất 1A Phạm Ngọc Thạch.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	308.526.114	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	486.522.081	308.526.114
Số cuối năm	<u>795.048.195</u>	<u>308.526.114</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>21.980.760.908</i>	<i>23.885.849.622</i>
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải STS	20.697.720.000	22.720.090.000
Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	1.283.040.908	1.165.759.622
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>173.488.400</i>	<i>715.303.758</i>
Hợp tác xã Vận tải Nhà Bè	131.670.000	391.970.000
Cty TNHH CT Giao Thông Đại Nam		67.585.694
Các đối tượng khác	41.818.400	255.748.064
Cộng	<u>22.154.249.308</u>	<u>24.601.153.380</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>80.286.597</i>	<i>80.570.230</i>
Công ty Cổ phần Hà Đô 1	34.850.600	4.501.500
Công an phường Cầu Ông Lãnh	13.429.280	-
Công ty CP tư vấn xây dựng thủy lợi II	10.830.000	-
Các đối tượng khác	21.176.717	76.068.730
Cộng	<u>80.286.597</u>	<u>80.570.230</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.875.933.181	-	32.307.446.323	(31.526.228.182)	4.657.151.322	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	669.438.424	-	8.746.413.039	(7.777.043.814)	1.638.807.649	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.763.667	-	727.997.527	(733.056.194)	3.705.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	15.309.943.500	-	229.254.395.250	(223.358.162.700)	21.206.176.050	-
Thuế đất	6.775.928.236	-	6.558.080.537	(7.968.786.450)	5.365.222.323	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	102.833.164	(102.833.164)	-	-
Thuế môn bài	-	-	34.000.000	(34.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	650.793.000	(650.793.000)	-	-
Cộng	26.640.007.008	-	278.381.958.840	(272.150.903.504)	32.871.062.344	-

16a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

16b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.955.674.025	39.995.026.902
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.776.391.164	2.326.633.300
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	43.732.065.189	42.321.660.202
Thu nhập tính thuế	43.732.065.189	42.321.660.202
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.746.413.038	8.464.332.040
Truy thu thuế các năm trước	-	5.230.705
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.746.413.038	8.469.562.745

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16c. Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động bán xăng dầu với mức thuế như sau:

- Xăng, trừ Etanol	: 3.000 VND/lít
- Dầu Diesel	: 1.500 VND/lít

16d. Tiền thuê đất và thuế đất phi nông nghiệp

Công ty nộp theo thông báo của cơ quan thuế

16e. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Công ty đã thực hiện trích lương theo Nghị quyết số 174/2018/NQ-NLSG ngày 16 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn. Chi tiết số dư:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lương cho người lao động	7.381.407.722	7.954.470.751
Tiền com	148.902.000	159.458.000
Cộng	7.530.309.722	8.113.928.751

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	297.464.408	318.489.037
Chi phí lãi vay	-	196.492.074
Chi phí khác	297.464.408	121.996.963
Cộng	297.464.408	318.489.037

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	5.748.860.219	5.299.777.947
Công ty CP Bất động sản Đô Thành (*)	4.941.649.867	4.201.029.067
Kinh phí công đoàn	330.244.790	320.632.690
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	313.815.600	569.703.000
Các đối tượng khác	163.149.962	208.413.190
Cộng	5.748.860.219	5.299.777.947

(*) Là khoản phải trả Công ty Bất động sản Đô Thành do hai bên chưa thống nhất, hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2013 HĐHTKD-SFC&DOTHANHREAL ngày 09 tháng 07 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19b. Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là các khoản ký quỹ cho thuê mặt bằng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.475.424.100	5.456.224.100
Liên hiệp HTX Thương mại Tp. HCM (Sài Gòn Coop)	2.361.824.100	2.361.824.100
Công ty CP Bất động sản Đô Thành ^(*)	1.500.000.000	1.500.000.000
Các đối tượng khác	1.613.600.000	991.400.000
Cộng	5.475.424.100	5.456.224.100

(*) Công ty CP Bất động sản Đô Thành ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2013/HĐHTKD-SFC&DOTHANHREAL ngày 09 tháng 07 năm 2013.

20. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	197.121.045.000	197.121.045.000
Vay của các cá nhân	-	-	-	-
Vay Tổ chức tín dụng	-	-	197.121.045.000	197.121.045.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Châu Thành Sài Gòn ⁽¹⁾	-	-	72.710.465.000	72.710.465.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽²⁾	-	-	47.735.680.000	47.735.680.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM ⁽³⁾	-	-	42.195.900.000	42.195.900.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	-	-	34.479.000.000	34.479.000.000
Cộng	-	-	197.121.045.000	197.121.045.000

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Châu Thành Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/72561/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2018. Hạn mức 150.000.000.000 đồng. Mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số BC/HĐTD/SFC/20130813 ngày 13 tháng 08 năm 2013 và Phụ lục hợp đồng số BC/PLHĐ/SFC/201707 kèm theo. Hạn mức 60.000.000.000 đồng. Mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽³⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 17.2330066/2017-HĐCVHM/NHCT900-SFC ngày 12 tháng 07 năm 2018. Hạn mức 150.000.000.000 đồng. Mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

⁽⁴⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 00324/KHDN1/17NH ngày 01 tháng 03 năm 2018. Hạn mức 150.000.000.000 đồng. Mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	197.121.045.000	1.084.060.885.000	(1.281.181.930.000)	-
Cộng	197.121.045.000	1.084.060.885.000	(1.281.181.930.000)	-

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Tăng khác ^(*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.059.425.208	1.584.789.154	281.844.000	(2.813.926.836)	1.112.131.526
Quỹ phúc lợi	903.818.968	1.584.789.154	-	(1.926.127.752)	562.480.370
Quỹ thưởng HĐQT và BKS	648.693	794.374.934	-	(458.000.000)	337.023.627
Cộng	2.963.892.869	3.963.953.242	281.844.000	(5.198.054.588)	2.011.635.523

^(*) Đây là cổ tức của cổ phiếu thưởng cho Cán bộ Công nhân viên. Các cổ phiếu này được mua bằng nguồn quỹ khen thưởng.

Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty;
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Quỹ phúc lợi được dùng để: Chi cho các hoạt động phúc lợi cho cán bộ công nhân viên Công ty

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản trích quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại điều 5, Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Bộ tài chính. Theo quy định thì mức trích lập hàng năm là 0,5% trên doanh thu thuần năm về bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động kinh doanh xăng dầu và số tiền trích không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế của năm hiện hành.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.708.410.954	2.708.659.609
Trích lập bổ sung	1.997.783.701	1.999.751.345
Sử dụng quỹ	-	-
Số cuối năm	6.706.194.655	4.708.410.954

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở **Phụ lục số 01** đính kèm.**23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải S.T.S	57.586.340.000	50,99	57.586.340.000	50,99
Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	22.597.080.000	20,01	22.597.080.000	20,01
Cổ đông khác	32.731.170.000	29,00	32.731.170.000	29,00
Cộng	112.914.590.000	100	112.914.590.000	100

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	112.914.590.000	112.914.590.000	-
Cộng	112.914.590.000	112.914.590.000	-

23c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	112.914.590.000	112.914.590.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	112.914.590.000	112.914.590.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	(33.704.457.000)	(20.222.674.200)

(*) Công ty chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn số: 115/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

23d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	11.291.459	11.291.459
- Cổ phiếu phổ thông	11.291.459	11.291.459
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(56.640)	(56.640)
- Cổ phiếu phổ thông	(56.640)	(56.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.234.819	11.234.819
- Cổ phiếu phổ thông	11.234.819	11.234.819
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.		

23e. Các quỹ của doanh nghiệp**Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:**

- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- Trích bổ sung lãi cổ tức;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty;
- Bù đắp các rủi ro trong kinh doanh.

23f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn số: 115/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 như sau:

Phân phối lợi nhuận năm 2017

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	33.704.457.000
• Trích quỹ khen thưởng HĐQT và BKS	:	457.359.611
Cộng		34.161.816.611

Tạm phân phối lợi nhuận năm 2018

• Tạm trích quỹ khen thưởng	:	1.584.789.154
• Tạm trích quỹ Phúc lợi	:	1.584.789.154
• Tạm trích quỹ khen thưởng HĐQT và BKS	:	337.015.323
Cộng		3.506.593.631

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. Các khoản mục ngoại Bảng cân đối kế toán**24a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.601.920.123	2.192.540.923
Trên 1 năm đến 5 năm	4.291.615.561	8.770.163.692
Trên 5 năm	24.362.734.300	41.817.949.737
Cộng	30.256.269.984	52.780.654.352

24b. Tài sản nhận giữ hộ

Hàng hóa nhận giữ hộ:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (lít)	Số tiền	Số lượng (lít)	Số tiền
Dầu DO (0,05% S Max)	36.768	354.939.532	34.712	336.946.464
Xăng Ron 95	151.731	2.111.921.853	158.364	2.212.722.498
Xăng E5 Ron 92 – II	38.375	592.180.847	22.623	349.049.948
Cộng		3.059.042.232		2.898.718.910

24c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM DV Thái Dương	421.976.000	421.976.000
Cộng	421.976.000	421.976.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.407.971.331.680	1.267.041.682.364
Doanh thu kinh doanh BĐS	1.200.000.000	35.491.976.992
Doanh thu kinh doanh dịch vụ, mặt bằng	19.302.462.569	19.215.366.206
Cộng	1.428.473.794.249	1.321.749.025.562

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh doanh thu thuần bán thành phẩm cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	204.895.856	226.084.136
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	30.343.273	2.061.504.600
+ Bán hàng hóa	30.343.273	1.985.140.964
+ Cho thuê xe ô tô	-	76.363.636
Cộng	235.239.129	2.287.588.736

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	1.322.598.417.979	1.188.119.110.467
Giá vốn kinh doanh BĐS	1.761.419.447	31.639.196.041
Giá vốn kinh doanh dịch vụ, mặt bằng	1.004.790.144	1.004.790.144
Cộng	1.325.364.627.570	1.220.763.096.652

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.010.209.364	9.760.231.683
Cộng	9.010.209.364	9.760.231.683

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	25.102.954.578	25.191.413.729
Chi phí vật liệu, bao bì	1.361.340.892	642.380.564
Chi phí công cụ, đồ dùng	1.196.319.183	670.274.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.840.331.719	4.230.925.352
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.809.680.000	4.690.979.090
Chi phí thuê đất	6.887.567.147	7.214.720.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.556.999.087	3.417.197.969
Các chi phí khác	4.743.015.259	4.849.148.571
Cộng	49.498.207.866	50.907.040.582

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.470.508.028	8.550.325.097
Chi phí đồ dùng văn phòng	149.264.941	135.365.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.464.545.956	2.748.732.032
Thuế, phí và lệ phí	322.936.497	228.798.646
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(45.300.000)
Dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường	1.997.783.701	1.999.751.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	928.875.840	813.847.630
Các chi phí khác	3.039.454.725	2.522.506.153
Cộng	18.373.369.698	16.954.026.236

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản	272.727.273	515.727.273
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	5.000.000	407.909.091
Hoa hồng bảo hiểm	46.330.379	54.345.698
Thu nhập khác	17.512.095	314.833.116
Cộng	341.569.747	1.292.815.178

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt VPHC, phạt chậm nộp BHXH và Thuế	626.525.000	51.447.441
Chi phí khác	7.139.437	50.331.806
Cộng	633.664.437	101.779.247

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(486.522.081)	(308.526.114)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng	<u>(486.522.081)</u>	<u>(308.526.114)</u>

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.695.783.068	31.833.990.271
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(3.506.593.631)	(3.640.758.639)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.169.578.308)	(3.183.399.028)
- Tạm trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	(337.015.323)	(457.359.611)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.189.189.437	28.193.231.632
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.234.819	11.234.819
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.509</u>	<u>2.509</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2018 được tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn số 115/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.695.783.068	31.833.990.271
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.169.578.308)	(3.183.399.028)
- Tạm trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	(337.015.323)	(457.359.611)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	28.189.189.437	28.193.231.632
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.234.819	11.234.819
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.509	2.509

10c. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giữ nguyên do Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước đúng với Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 30 tháng 03 năm 2018 làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giữ nguyên ở mức 2.509 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.706.925.016	1.448.020.834
Chi phí nhân công	33.573.462.606	33.741.738.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.309.667.819	7.984.447.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.183.122.075	16.136.745.059
Chi phí khác	10.103.190.182	9.554.904.715
Cộng	68.876.367.698	68.865.856.962

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh**

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức cổ phiếu thưởng	281.844.000	169.104.400
Cộng	281.844.000	169.104.400

2. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.198.054.588	4.383.529.514
Chi nộp thuế bổ sung các năm trước	-	-
Cộng	5.198.054.588	4.383.529.514

3. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	1.084.060.885.000	1.240.254.604.589
Tiền thu từ đi vay của các cá nhân	-	-
Cộng	1.084.060.885.000	1.240.254.604.589

4. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	(1.281.181.930.000)	(1.237.338.039.589)
Tiền trả nợ vay của các cá nhân	-	-
Cộng	(1.281.181.930.000)	(1.237.338.039.589)

5. Các giao dịch không bằng tiền khác

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch cho hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, loại trừ các khoản phải thu, phải trả như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp TSCĐ, XDCBDD	15.000.000	196.957.694
Trả trước tiền mua TSCĐ, XDCB dở dang	56.282.573	1.538.097.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	344.841.095	1.179.525.001
Cổ tức phải trả	18.727.590	34.876.925
Lãi vay phải trả	-	196.492.074

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập và các khoản lợi ích của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành).

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác	1.395.469.960	1.703.283.708
Thù lao	977.700.000	1.296.000.000
Cổ tức	4.033.035.000	1.936.161.000
Cộng	6.426.204.960	4.935.444.708

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải S.T.S	Cổ đông sở hữu 50,99 % cổ phần
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	Cổ đông sở hữu 20,01 % cổ phần
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	Công ty trong cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải S.T.S		
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn mua hàng ^(*)	1.236.989.704.527	1.011.822.786.364
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn bán hàng	204.895.856	226.084.136
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn trả tiền cổ tức	17.275.902.000	10.365.541.200
^(*) Giá mua hàng hóa xăng dầu trong năm của Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 50/2015/NQ-NLSG ngày 28 tháng 01 năm 2015, về việc tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh theo "Quy định quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh xăng dầu" do Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải ký ban hành ngày 26/11/2014. Từ ngày 01/08/2018 giá mua XD áp dụng HĐMB số 58/HĐMB 2018 giữa Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải và Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn theo NQHĐQT số 238/2018/NQ-NLSG ngày 26 tháng 07 năm 2018.		
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh		
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn mua hàng	73.054.727.273	164.560.072.727
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn trả tiền cổ tức	6.779.124.000	4.067.474.400
- Công ty CP Dầu nhờn STS		
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn mua hàng	7.160.885.180	8.702.175.258
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn bán hàng	30.343.272	1.985.140.964
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn cho thuê xe ô tô	-	76.363.636

Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh V2; V.3 và V.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Báo cáo bộ phận

3a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

• Năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Hàng hóa	1.407.927.043.134	1.322.598.417.979	85.328.625.155	6,06%
Bất động sản	1.200.000.000	1.761.419.447	-561.419.447	(46,78%)
Cho thuê mặt bằng	19.302.462.469	1.004.790.144	18.297.672.325	94,79%
Cộng	1.428.429.505.703	1.325.364.627.570	103.064.878.133	7,22%

• Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Hàng hóa	1.267.041.682.364	1.188.119.110.467	78.922.571.897	6,23%
Bất động sản	35.491.976.992	31.639.196.041	3.852.780.951	10,86%
Cho thuê mặt bằng	19.215.366.206	1.004.790.144	18.210.576.062	94,77%
Cộng	1.321.749.025.562	1.220.763.096.652	100.985.928.910	7,64%

3b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019.

Người lập biểu

PHẠM THỊ THU NGÀ

Kế toán trưởng

VÕ THỊ THU

Phó Tổng Giám đốc



BUI HOÀI CHÂU

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	40.929.968.744	50.241.392.530	211.891.843.430
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	-	31.833.990.271	31.833.990.271
Lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	31.833.990.271	31.833.990.271
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(1.531.496.850)	(25.823.745.441)	(27.355.242.291)
Trích lập các quỹ của doanh nghiệp	-	-	-	-	(5.601.071.241)	(5.601.071.241)
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	(20.222.674.200)	(20.222.674.200)
Bù đắp rủi ro trong kinh doanh	-	-	-	(1.531.496.850)	-	(1.531.496.850)
4. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	56.251.637.360	216.370.591.410
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	56.251.637.360	216.370.591.410
6. Tăng trong năm nay	-	-	-	-	31.695.783.068	31.695.783.068
Lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	31.695.783.068	31.695.783.068
7. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	(37.668.410.242)	(37.668.410.242)
Trích lập các quỹ của doanh nghiệp	-	-	-	-	(3.963.953.242)	(3.963.953.242)
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	(33.704.457.000)	(33.704.457.000)
8. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	50.279.010.186	210.397.964.236

Người lập biểu

[Signature]

PHẠM THỊ THU NGÀ

Kế toán trưởng

[Signature]

VÕ THỊ THU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

[Signature]

BUI HOÀI CHÂU